

phòng, những khu vực cấm quay phim chụp ảnh và không cho người nước ngoài đến, v.v... cho các Bộ, ngành và địa phương biết để chấp hành.

Điều 10. — Về chế độ báo cáo; thông tin và bảo mật.

1. Chậm nhất là 15 ngày trước khi cho đoàn ra hoặc đón đoàn vào, cơ quan chủ quản phải có phương án xác định rõ mục đích, yêu cầu, nội dung, nhân sự, thời gian và chi phí để làm việc với các cơ quan liên quan và trình cấp có thẩm quyền (nói tại các điều 3, 6, 7, 8) xem xét, quyết định và làm các thủ tục cần thiết.

2. Sau khi kết thúc công việc 15 ngày, cơ quan chủ quản phải có báo cáo, đánh giá kết quả công tác (theo yêu cầu, nội dung, hiệu quả) gửi Văn phòng Hội đồng Bộ trưởng và các cơ quan có liên quan để theo dõi và khai thác sử dụng; báo cáo tình hình chi tiêu, tặng quà, nhận và phân phối sử dụng quà tặng cho Bộ Tài chính xem xét, quyết toán.

3. Hàng quý, các Bộ, ngành và địa phương phải báo cáo Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng về số lượng đoàn, số lượng người đã cử ra hoặc đón vào, về hiệu quả đoàn ra, đoàn vào, cũng như việc chấp hành hạn mức (khoán) chi tiêu của đơn vị mình.

4. Hàng năm, các Bộ, ngành và địa phương phải tổng kết, đánh giá hiệu quả việc cử đoàn ra, mời đoàn vào và việc chi tiêu cho hoạt động đối ngoại trong cả năm.

5. Các cơ quan, đoàn thể và mọi công dân Việt Nam có nhiệm vụ quan hệ công tác, giao tiếp với các tổ chức nước ngoài và người nước ngoài phải giữ gìn bí mật quốc gia theo quy định tại Nghị định số 69-CP ngày 14-6-1962 của Hội

đồng Chính phủ. Việc trao đổi thông tin, cung cấp tài liệu, số liệu, bản đồ, vật mẫu cho các tổ chức và người nước ngoài phải theo đúng Quyết định số 205-TTg ngày 9-8-1974 và Chỉ thị số 20-TTg ngày 14-1-1977 của Thủ tướng Chính phủ.

Điều 11. — Những đơn vị và cá nhân vi phạm bản Quy định này thì tùy theo mức độ sai lầm mà xử lý kỷ luật từ hình thức phê bình, cảnh cáo, bồi thường phí tổn tới đình chỉ việc đi nước ngoài và truy tố trước pháp luật.

Cấp có thẩm quyền xét duyệt cho đoàn ra, đoàn vào cũng là cấp quyết định hoặc đề nghị cấp trên quyết định việc thi hành kỷ luật.

Điều 12. — Quy định này có hiệu lực từ ngày ban hành. Những quy định trước đây của Hội đồng Bộ trưởng về quản lý đoàn ra, đoàn vào trái với bản Quy định này đều hủy bỏ.

Các Bộ Ngoại giao, Nội vụ, Tài chính có trách nhiệm hướng dẫn thi hành bản Quy định này.

T.M. Hội đồng Bộ trưởng
K.T. Chủ tịch
Phó Chủ tịch
VÕ VĂN KIẾT

NGHỊ QUYẾT của Hội đồng Bộ trưởng số 186 - HĐBT ngày 27-11-1989 về việc phân cấp quản lý ngân sách cho địa phương.

Nghị quyết Đại hội Đảng lần thứ VI đã chỉ rõ: « Nhà nước trung ương định lại chế độ phân cấp quản lý thu, chi ngân

09663387
www.ThuVienPhapLuat.com
Tel: +84-8-38436684
LawSOP

sách cho hợp lý trên cơ sở khuyến khích đúng mức để tăng nhanh nguồn thu từ nội bộ nền kinh tế, chống thất thu. Mặt khác, phải căn cứ vào nguồn thu mà bố trí chi, không chi vượt quá khả năng thu của ngân sách, triệt để tiết kiệm chi tiêu về mọi mặt ».

Phân cấp quản lý ngân sách là xác định phạm vi trách nhiệm và quyền hạn của chính quyền Nhà nước các cấp trong việc quản lý ngân sách Nhà nước, nhằm tập trung đầy đủ, kịp thời, đúng chính sách các nguồn thu của Nhà nước và phân phối, sử dụng công bằng, hợp lý, tiết kiệm, hiệu quả cao, phục vụ các mục tiêu, nhiệm vụ kế hoạch phát triển kinh tế — xã hội của đất nước. Do đó chế độ phân cấp quản lý ngân sách cho địa phương phải thể hiện được các yêu cầu sau :

1. Quán triệt nguyên tắc tập trung dân chủ, bảo đảm quyền quyết định của Quốc hội và sự điều hành thống nhất của Hội đồng Bộ trưởng đối với toàn bộ ngân sách Nhà nước ; đề cao trách nhiệm, quyền chủ động, sáng tạo và khuyến khích thỏa đáng đối với chính quyền địa phương trong việc quản lý chặt chẽ, tăng thu và tiết kiệm chi cho ngân sách Nhà nước.

2. Bảo đảm tính thống nhất của nền tài chính quốc gia. Ủy ban Nhân dân các cấp có trách nhiệm hướng dẫn và kiểm tra hoạt động sản xuất, kinh doanh và thực hiện nghĩa vụ thu nộp ngân sách Nhà nước của các đơn vị kinh tế quốc doanh, kinh tế tập thể, cá thể và tư nhân trên địa bàn ; đồng thời, thực hiện nhiệm vụ chi ngân sách theo kế hoạch, chính sách, chế độ tài chính thống nhất do Trung ương quy định với hiệu quả cao. Mọi khoản thu, chi của Nhà nước đều phải được phản ánh đầy đủ, kịp thời, trung thực vào ngân sách Nhà nước.

3. Chính quyền Nhà nước các cấp phải coi việc quản lý chặt chẽ ngân sách Nhà

nước là nhiệm vụ quan trọng hàng đầu để chống lạm phát, ổn định và phát triển kinh tế — xã hội trong giai đoạn hiện nay. Các ngành, các cấp cần phát huy tinh thần chủ động, sáng tạo và trách nhiệm cao trong việc khai thác mọi tiềm năng của ngành và của địa phương để phát triển kinh tế hàng hóa nhiều thành phần theo kế hoạch của Nhà nước, nâng cao hiệu quả sản xuất, kinh doanh, góp phần vào việc tăng thu, triệt để tiết kiệm chi, sớm tiến tới thăng bằng thu — chi ngân sách Nhà nước.

Sau đây là những quy định cụ thể.

I. NHIỆM VỤ CHI VÀ CƠ CHẾ HÌNH THÀNH CÁC NGUỒN THU CỦA NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG (tỉnh, thành phố đặc khu trực thuộc Trung ương dưới đây gọi tắt là tỉnh).

A. VỀ NHIỆM VỤ CHI CỦA NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG

1. Chi đầu tư xây dựng cơ bản nhằm xây dựng các công trình kinh tế, văn hóa của địa phương do Hội đồng Bộ trưởng (hoặc ủy nhiệm cho Ủy ban Kế hoạch Nhà nước và Bộ Tài chính) xét duyệt theo đề nghị của Ủy ban Nhân dân tỉnh.

2. Chi về các sự nghiệp kinh tế, văn hóa, giáo dục, khoa học kỹ thuật, y tế, xã hội, thể dục, thể thao do địa phương quản lý (kể cả chi cho công tác đo đạc ruộng đất, định canh, định cư, chi về sự nghiệp đưa dân đi và đón dân đến vùng kinh tế mới, chi về quy hoạch khảo sát, chi bảo dưỡng, sửa chữa cầu đường, nhà ở và các công trình phúc lợi công cộng).

3. Chi cho bộ máy quản lý Nhà nước ở địa phương (kể cả Viện Kiểm sát nhân

dân) trợ cấp cho tổ chức Đảng, đại biểu Quốc hội, Mặt trận và các đoàn thể quần chúng ở địa phương.

4. Trợ cấp khó khăn thường xuyên và đột xuất cho cán bộ, công nhân viên Trung ương và địa phương.

5. Cấp vốn lưu động theo chế độ thống nhất của Nhà nước cho những xí nghiệp quốc doanh do địa phương quản lý mới đưa vào hoạt động.

6. Chi cho công tác dân quân tự vệ và tuyến quân, chi trợ cấp một phần sinh hoạt phí cho cán bộ xã và các khoản chi khác của địa phương.

B. CƠ CHẾ HÌNH THÀNH NGUỒN THU CỦA NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG

1. Các khoản thu cố định dành cho ngân sách địa phương 100%.

— Thu khấu hao cơ bản, hoàn vốn, biến giá tài sản cố định và thu khác của xí nghiệp quốc doanh do địa phương quản lý.

— Thu sự nghiệp của địa phương.

— Thu học phí.

— Thu viện phí của địa phương.

— Thu thuế sát sinh, thuế môn bài, lệ phí chứng thư ở địa phương, thu thuế trước bạ.

— Thu do nhân dân đóng góp tự nguyện và viện trợ nước ngoài cho địa phương.

— Thu về tiền nuôi rừng.

— Thu về xổ số kiến thiết.

— Thu phí giao thông.

— Các khoản khác mà Trung ương có quyết định để lại cho ngân sách địa phương được hưởng 100% (nếu có).

2. Các khoản thu điều tiết hàng năm cho từng địa phương theo một tỷ lệ thống nhất.

— Thu quốc doanh, lợi nhuận của xí nghiệp quốc doanh do Trung ương quản lý (không kể các đơn vị hạch toán toàn ngành).

— Thu nhập thuần túy tập trung (thu quốc doanh, lợi nhuận ...) của xí nghiệp quốc doanh do địa phương quản lý.

— Thu thuế nông nghiệp.

— Thu thuế công thương nghiệp (trừ thuế sát sinh, thuế môn bài và thuế trước bạ).

Các khoản thu này được áp dụng cùng một tỷ lệ điều tiết, mỗi địa phương sẽ được nhận một tỷ lệ điều tiết riêng. Tỷ lệ điều tiết này sẽ được mở rộng dần tùy theo nhiệm vụ chi và các nguồn thu quy định ở điểm 1, mục B nói trên.

Tỷ lệ điều tiết này được tính như sau:

Lấy tổng số chi của ngân sách địa phương theo nhiệm vụ chi được giao (tính toán trên cơ sở các chính sách, chế độ, định mức thống nhất do Trung ương ban hành), trừ (—) số thu tính được ở điểm 1, mục B, dùng kết quả đó chia (:) cho số thu tính được ở điểm 2, mục B.

3. Nguồn thu bổ sung cho ngân sách địa phương.

Nếu tổng cộng số thu tính được ở điểm 1, 2 (mở tỷ lệ đến 100%) mục B nói trên mà vẫn không đủ đáp ứng nhu cầu chi của địa phương được giao thì ngân sách Trung ương trợ cấp cho ngân sách địa phương một khoản kinh phí để cân đối ngân sách. Số trợ cấp ngân sách này được quy định hàng năm bằng số tuyệt đối,

tùy thuộc vào khả năng của ngân sách Trung ương và sự thiếu hụt của ngân sách từng tỉnh.

4. Thu kết dư năm trước (theo điểm 7, mục II dưới đây).

II. LẬP VÀ CHẤP HÀNH NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG

1. Hàng năm căn cứ chỉ thị của Hội đồng Bộ trưởng và hướng dẫn của Bộ Tài chính, Ủy ban Nhân dân tỉnh lập dự toán ngân sách địa phương trình Hội đồng Bộ trưởng, đồng gửi Bộ Tài chính, Bộ Tài chính xem xét thảo luận dự toán ngân sách địa phương cùng với Ủy ban Nhân dân tỉnh, dự kiến tỷ lệ điều tiết số thu hàng năm và số trợ cấp của ngân sách Trung ương cho ngân sách địa phương (nếu có) đề trình Hội đồng Bộ trưởng phê duyệt.

2. Sau khi dự toán ngân sách Nhà nước đã được Quốc hội thông qua, Hội đồng Bộ trưởng giao cho các tỉnh, thành phố và đặc khu trực thuộc Trung ương những chỉ tiêu pháp lệnh về ngân sách sau đây :

a) Tổng số thu ngân sách Nhà nước trên địa bàn (không kể kết dư ngân sách địa phương).

b) Tổng số chi ngân sách địa phương, trong đó chi đầu tư xây dựng cơ bản, chi về quỹ lương hành chính — sự nghiệp.

c) Tỷ lệ điều tiết chung các nguồn thu điều tiết cho ngân sách địa phương.

d) Số trợ cấp của ngân sách Trung ương cho ngân sách địa phương đề cân đối (nếu có).

Hội đồng Bộ trưởng ủy nhiệm cho Bộ trưởng Bộ Tài chính giao chỉ tiêu hướng dẫn cụ thể hóa các chỉ tiêu pháp lệnh nói trên.

3. Ủy ban Nhân dân các tỉnh căn cứ vào các chỉ tiêu ngân sách được giao, lập dự toán ngân sách địa phương trình Hội đồng Nhân dân tỉnh xem xét quyết định.

Hội đồng Nhân dân tỉnh khi thông qua dự toán ngân sách của địa phương mình có thể quyết định số thu cao hơn mức cấp trên giao, không được giao thấp hơn mức cấp trên giao, nhưng phải theo đúng chính sách, chế độ của Nhà nước và phải báo cáo đầy đủ cho Bộ Tài chính.

4. Sau khi dự toán ngân sách địa phương đã được Hội đồng Bộ trưởng duyệt và Bộ Tài chính thông báo, nếu Nhà nước thay đổi chính sách, chế độ, giá cả làm ảnh hưởng đến kế hoạch thu, chi ngân sách, thì Bộ Tài chính cùng Ủy ban Nhân dân tỉnh tính lại thu, chi ngân sách và xử lý các vấn đề có liên quan.

5. Hàng năm, trong dự toán ngân sách trung ương cần dành một khoản dự phòng để hỗ trợ các địa phương gặp khó khăn khách quan, mà khi lập kế hoạch đầu năm không lường hết được.

6. Trong quá trình chấp hành ngân sách :

a) Nếu địa phương tiết kiệm được chi so với kế hoạch được giao, thì phần tiết kiệm đó địa phương được hưởng 100%.

b) Những địa phương được Ngân sách Trung ương trợ cấp ngân sách, nếu tăng thu, tiết kiệm chi nhưng vẫn bảo đảm đúng chính sách, chế độ và nhiệm vụ được giao, thì ngân sách trung ương vẫn chuyển đủ cho ngân sách địa phương số trợ cấp ngân sách theo kế hoạch được duyệt.

c) Trường hợp do nguyên nhân chủ quan mà không hoàn thành kế hoạch thu, chi ngân sách được giao, địa phương phải tìm mọi biện pháp để tự cân đối ngân

sách. Sau khi đã tận dụng mọi khả năng mà vẫn không cân đối được ngân sách, thì địa phương mới được tạm vay quỹ dự trữ tài chính địa phương.

7. Kết thúc năm ngân sách, Bộ Tài chính xét duyệt hoàn thành kế hoạch thu, chi ngân sách của từng địa phương và xác định số kết dư ngân sách. Số kết dư này được sử dụng để bổ sung quỹ dự trữ tài chính địa phương, đầu tư thêm cho các chương trình kinh tế lớn và sửa chữa, mua sắm, nâng cấp các cơ sở giáo dục, y tế, phúc lợi xã hội ở địa phương, không được dùng vào các mục đích khác.

8. Quỹ dự trữ tài chính dùng để ứng phó với nhu cầu chi trong khi nguồn thu chưa tập trung kịp. Quỹ này ngân sách chỉ được phép tạm vay và phải hoàn trả chậm nhất vào cuối năm ngân sách. Quỹ dự trữ tài chính tối đa bằng 3 tháng chi thường xuyên bình quân của ngân sách địa phương, trong đó không được dùng quá 50% để dự trữ một số vật tư chiến lược của địa phương (không bao gồm vàng, bạc, kim khí quý, đá quý và ngoại tệ). Việc bổ sung và sử dụng quỹ dự trữ tài chính do Chủ tịch Ủy ban Nhân dân tỉnh quyết định. Cuối năm ngân sách, Ủy ban Nhân dân tỉnh lập báo cáo tình hình thu, chi quỹ dự trữ tài chính (kể cả bằng hiện vật và bằng tiền) báo cáo Hội đồng Bộ trưởng, đồng gửi Bộ Tài chính.

9. Ủy ban Nhân dân các tỉnh căn chỉ đạo các ngành, các đơn vị kinh tế cơ sở ở địa phương, các đơn vị kinh tế cơ sở của Trung ương đóng trên địa bàn thực hiện đầy đủ chế độ lập và chấp hành ngân sách, chế độ báo cáo quyết toán, chế độ hạch toán kế toán, nghĩa vụ thu nộp cho ngân sách Nhà nước. Cơ quan tài chính và ngân hàng địa phương phải chấp hành đầy đủ chế độ báo cáo, điện báo định kỳ và đột xuất, chế độ thống kê và thông tin tài chính, gửi kịp thời

cho Bộ Tài chính và Ngân hàng Nhà nước Trung ương về tình hình chấp hành ngân sách Nhà nước, về các quỹ tài chính ngoài ngân sách (nếu có).

10. Tăng cường công tác kiểm tra, thanh tra tài chính Nhà nước ở tất cả các cấp. Nghiêm cấm việc lập và duy trì các quỹ trái phép, việc tự đặt ra các chính sách, chế độ thu, chi tài chính trái với quy định của Trung ương. Mọi hành vi vi phạm kỷ luật tài chính, đều phải xử phạt nghiêm minh đề cao kỷ luật và pháp luật Nhà nước. Nếu địa phương nào vi phạm những quy định trên sẽ bị tước tiền thưởng (nếu có) và sẽ bị xử lý theo pháp luật quy định.

11. Ủy ban Nhân dân các tỉnh căn cứ vào những quy định trong Nghị quyết này và nguyên tắc dưới đây để tiến hành phân cấp quản lý ngân sách cho các quận, huyện; đồng thời hướng dẫn Ủy ban Nhân dân quận, huyện phân cấp quản lý ngân sách cho các phường, xã.

a) Việc phân cấp quản lý ngân sách cho huyện, xã phải căn cứ vào đặc điểm của từng địa phương, phải phù hợp với tình hình thực tế phân cấp quản lý kinh tế, văn hóa cho huyện và xã.

b) Nguồn thu và nhiệm vụ chi giao cho quận, huyện, phường, xã phải trong khuôn khổ những nguồn thu và nhiệm vụ chi đã phân cấp cho địa phương quản lý theo Nghị quyết này.

c) Nhiệm vụ chi giao cho quận, huyện, phường, xã phải được bảo đảm có nguồn thu tương ứng, hạn chế đến mức thấp nhất biện pháp bổ sung kinh phí hàng năm của ngân sách cấp trên.

d) Khi phân cấp các nguồn thu cho quận, huyện, phường, xã, phải chú trọng những nguồn thu đòi hỏi tính năng động và cố gắng chủ quan của chính

quyền cấp quận, huyện, phường, xã nhằm phát triển kinh tế địa phương, cải tạo và sử dụng các thành phần kinh tế sản xuất hàng hóa nhỏ, đẩy mạnh quản lý thị trường, tạo ra nguồn thu và khai thác triệt để các nguồn thu ấy.

III. TỜ CHỨC THỰC HIỆN

1. Các Bộ, Ủy ban Nhà nước, các cơ quan khác thuộc Hội đồng Bộ trưởng, Ủy ban Nhân dân các tỉnh, thành phố, đặc khu, quận, huyện, phường, xã có trách nhiệm thi hành Nghị quyết này.

2. Nghị quyết này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 1 tháng 1 năm 1990. Những quy định trước đây trái với Nghị quyết này đều bãi bỏ.

3. Bộ Tài chính có trách nhiệm hướng dẫn thi hành Nghị quyết này.

T.M. Hội đồng Bộ trưởng
K.T. Chủ tịch
Phó Chủ tịch
VÕ VĂN KIỆT

CHỦ NHIỆM VĂN PHÒNG HỘI ĐỒNG BỘ TRƯỞNG

QUYẾT ĐỊNH của Chủ nhiệm Văn phòng Hội đồng Bộ trưởng số 111-BT ngày 29-11-1989 về việc chuyển giao tờ Công báo sang Bộ Thông tin.

CHỦ NHIỆM VĂN PHÒNG HỘI ĐỒNG BỘ TRƯỞNG

Căn cứ kết luận của Thường vụ Hội đồng Bộ trưởng số 2-KG ngày 2 tháng 1 năm 1989 về công tác xuất bản, báo chí;

Theo đề nghị của Bộ Thông tin (công văn số 454-BTT ngày 12-7-1989) và Vụ Hành chính Văn phòng Hội đồng Bộ trưởng,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. — Chuyển giao tờ Công báo sang Bộ Thông tin phụ trách việc xuất bản và quản lý.

Việc bàn giao phải hoàn thành trong quý IV năm 1989 để Bộ Thông tin kịp làm việc với Bộ Tài chính về dự toán xuất bản Công báo năm 1990.

Điều 2. — Các đồng chí Vụ trưởng Vụ Tờ chức cán bộ, Vụ trưởng Vụ Hành chính, Cục trưởng Cục Quản trị I Văn phòng Hội đồng Bộ trưởng có trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Chủ nhiệm
Văn phòng Hội đồng Bộ trưởng
HỒ NGỌC NHƯỜNG

CÁC BỘ

LIÊN BỘ
GIÁO DỤC — TÀI CHÍNH

THÔNG TƯ liên Bộ số 16-TT/ LB ngày 14-8-1989 hướng dẫn thực hiện thu, chi quỹ học phí trong ngành giáo dục phổ thông.

Thi hành Quyết định số 44 — HĐBT ngày 24-4-1989 của Hội đồng Bộ trưởng về việc thu một phần học phí trong ngành giáo dục phổ thông; Liên Bộ Giáo dục — Tài chính hướng dẫn thực hiện Quyết định trên như sau: